



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6-7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 20/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 28 38305002
- Fax: (84) 28 38350983
- Website: [www.sachhocktro.com.vn](http://www.sachhocktro.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2017 là 86 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 21 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### ***Hội đồng quản trị***

- |                         |          |   |
|-------------------------|----------|---|
| • Ông Phạm Văn Hồng     | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/07/2015<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |
| • Bà Trần Thị Kim Nhung | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017                          |
| • Ông Xà Thiệu Hoàng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |
| • Ông Nguyễn Minh Khang | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |
| • Bà Hoàng Minh Tâm     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |
| • Ông Trần Lê Quang     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017                          |
| • Ông Lê Huy            | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017                          |
| • Bà Lê Phương Mai      | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017                          |
| • Bà Ngô Trần Nha Thy   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017                          |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                       |            |   |
|-----------------------|------------|---|
| • Bà Đặng Thanh Trúc  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017                          |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |
| • Ông Lê Xuân Huy     | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012<br>Miễn nhiệm 26/05/2017 |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bà Đỗ Thị Phương Thảo Ủy viên Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
- Ông Đoàn Xuân Linh Ủy viên Bổ nhiệm ngày 26/05/2017

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- Ông Xà Thiệu Hoàng Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 15/12/2014  
Miễn nhiệm 26/05/2017
- Ông Lê Huy Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
- Bà Mai Ngọc Liên Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
- Bà Ngô Trần Nha Thy Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
- Bà Lê Phương Mai Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 26/05/2017

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 872 /BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 14/08/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 35.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

CÔNG TY  
T.N.H.H  
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN  
AAC

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>300.947.744.487</b>	<b>217.862.425.902</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>45.045.518.807</b>	<b>61.569.740.585</b>
1. Tiền	111		9.990.373.025	6.444.195.516
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.055.145.782	55.125.545.069
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.765.674.783</b>	<b>30.443.820.313</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	103.631.859.577	28.112.114.079
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	970.228.559	3.145.066.168
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	325.330.130	683.348.854
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.161.743.483)	(1.496.708.788)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>144.707.602.168</b>	<b>123.757.276.891</b>
1. Hàng tồn kho	141		145.634.429.013	125.061.177.086
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(926.826.845)	(1.303.900.195)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.428.948.729</b>	<b>2.091.588.113</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	6.922.915.114	2.091.588.113
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.369.256	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	504.664.359	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.578.379.422</b>	<b>63.688.563.191</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.350.318.698</b>	<b>22.353.118.698</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9b	22.350.318.698	22.353.118.698
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.540.954.057</b>	<b>7.215.877.826</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.540.954.057	7.215.877.826
- Nguyên giá	222		13.037.740.281	14.458.443.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.496.786.224)	(7.242.565.413)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>18.544.300.000</b>	<b>24.544.300.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	18.544.300.000	24.544.300.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.142.806.667</b>	<b>9.575.266.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	9.142.806.667	9.575.266.667
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>356.526.123.909</b>	<b>281.550.989.093</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>151.014.094.452</b>	<b>103.728.168.459</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>151.014.094.452</b>	<b>103.728.168.459</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	53.678.163.168	20.889.175.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	9.344.062.956	1.238.547.148
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.336.945.761	4.149.265.661
4. Phải trả người lao động	314		7.058.486.116	5.075.243.308
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	18.677.740.812	318.150.504
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.401.389.207	16.400.908.959
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	51.408.313.398	46.791.962.760
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.108.993.034	8.864.914.519
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205.512.029.457</b>	<b>177.822.820.634</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>205.512.029.457</b>	<b>177.822.820.634</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	75.698.055.745	68.324.290.815
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	27.999.021.229	7.683.577.336
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21	27.999.021.229	7.683.577.336
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>356.526.123.909</b>	<b>281.550.989.093</b>



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	287.395.809.455	279.977.362.311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.192.879.189	1.844.907.280
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		286.202.930.266	278.132.455.031
4. Giá vốn hàng bán	11	24	201.635.138.101	204.087.736.159
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>84.567.792.165</b>	<b>74.044.718.872</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.009.199.039	3.407.889.968
7. Chi phí tài chính	22	26	3.837.196.818	(3.045.374.394)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.652.859.084	1.437.222.555
8. Chi phí bán hàng	25	27a	29.084.964.640	27.963.111.158
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b	17.212.620.026	19.291.507.708
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>35.442.209.720</b>	<b>33.243.364.368</b>
11. Thu nhập khác	31	28	397.520.162	-
12. Chi phí khác	32	29	122.921.544	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>274.598.618</b>	-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>35.716.808.338</b>	<b>33.243.364.368</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	7.717.787.109	7.642.528.582
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>27.999.021.229</b>	<b>25.600.835.786</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.436	2.227
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.436	2.227



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	7,16,22,23	218.788.700.576	227.426.025.534
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(200.442.782.400)	(204.799.505.879)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.719.907.692)	(8.149.329.872)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,26	(1.660.676.145)	(1.407.967.349)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(2.913.455.336)	(2.381.545.674)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.131.024.685	4.790.262.805
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.887.043.002)	(48.156.536.624)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.704.139.314)</b>	<b>(32.678.597.059)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(1.405.700.000)	(5.299.459.546)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	13	1.922.727.273	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14	6.000.000.000	40.837.716.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	1.046.539.625	678.853.968
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.563.566.898</b>	<b>36.217.110.422</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	112.117.862.803	135.805.256.014
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(107.501.512.165)	(103.161.385.626)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.383.649.362)</b>	<b>16.643.870.388</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(16.524.221.778)</b>	<b>20.182.383.751</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		61.569.740.585	32.711.841.058
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>45.045.518.807</b>	<b>52.894.224.809</b>



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 20/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

##### ***Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức chia cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.17 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%;
  - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
  - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hay gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh lại đơn giá tiền lương năm 2016 và thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo hiểm nhân thọ theo Nghị quyết HĐQT ngày 12/5/2017. Theo đó một số khoản mục đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2016	Số liệu tại ngày 01/01/2017 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Chi phí trả trước dài hạn	261	97.600.000	9.575.266.667	9.477.666.667
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	2.228.371.327	4.149.265.661	1.920.894.334
Phải trả người lao động	314	5.202.048.311	5.075.243.308	(126.805.003)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	421	-	7.683.577.336	7.683.577.336

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	460.667.685	410.392.208
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.529.705.340	6.033.803.308
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	35.055.145.782	55.125.545.069
<b>Cộng</b>	<b>45.045.518.807</b>	<b>61.569.740.585</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	11.838.816.714	5.700.205.248
Các đối tượng khác	91.793.042.863	22.411.908.831
<b>Cộng</b>	<b>103.631.859.577</b>	<b>28.112.114.079</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

*Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	914.276.665	758.466.165
Công ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	4.369.258.031	17.133.560
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Thành Phố Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	59.042.499	30.404.499
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	217.024.404
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	414.199.309	1.846.952
Công ty CP Sách- TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	6.383.895.430	-
Công ty CP Sách - Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	119.108.800	119.108.800
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	776.342.905	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	6.248.469.809	464.974.887
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	91.284.862
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư	-	193.335.713
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	2.536.490.171	448.985.859
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	-
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	83.470.000
Công ty CP Sách và Thiết bị GD Bình Dương	Chung công ty đầu tư	4.668.301.640	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	16.004.000	16.004.000
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Chung công ty đầu tư	-	3.289.501
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	298.813.679	-
<b>Cộng</b>		<b>26.804.202.938</b>	<b>2.445.329.202</b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Nhà máy in Bộ Tổng tham mưu	212.853.557	2.882.750.540
Công ty CP Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Viettravel	449.375.000	-
Học viện Chính trị Khu vực II	105.000.000	-
Các đối tượng khác	203.000.002	262.315.628
<b>Cộng</b>	<b>970.228.559</b>	<b>3.145.066.168</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLĐ	-	-	531.241.145	-
Lãi dự thu	114.767.123	-	-	-
Tạm ứng	210.563.007	-	152.107.709	-
<b>Cộng</b>	<b>325.330.130</b>	<b>-</b>	<b>683.348.854</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	127.948.800	130.748.800
<b>Cộng</b>	<b>22.350.318.698</b>	<b>22.353.118.698</b>

(\*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình là 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị vốn góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	298.244.316	476.583.514
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	127.960.160	210.864.311
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	150.627.708	-
- Từ 3 năm trở lên	584.911.299	809.260.963
<b>Cộng</b>	<b>1.161.743.483</b>	<b>1.496.708.788</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.934.677.539	-	34.382.131.069	-
Chi phí SX, KD dở dang	10.368.797.594	-	14.478.225.965	-
Thành phẩm	62.400.818.100	926.826.845	35.249.346.464	1.303.900.195
Hàng hóa	37.930.135.780	-	40.951.473.588	-
<b>Cộng</b>	<b>145.634.429.013</b>	<b>926.826.845</b>	<b>125.061.177.086</b>	<b>1.303.900.195</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2017 là 1.286.627.574 đồng.

Không có giá trị hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2017.

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	4.646.008.418	1.280.626.227
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	2.276.906.696	810.961.886
<b>Cộng</b>	<b>6.922.915.114</b>	<b>2.091.588.113</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí tổ chức bán thảo	154.740.000	97.600.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	8.988.066.667	9.477.666.667
<b>Cộng</b>	<b>9.142.806.667</b>	<b>9.575.266.667</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	4.255.140.198	647.275.200	9.275.491.532	280.536.309	14.458.443.239
Mua sắm trong kỳ	-	-	1.361.163.636	44.536.364	1.405.700.000
T/lý, nhượng bán	-	-	2.826.402.958	-	2.826.402.958
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.255.140.198</b>	<b>647.275.200</b>	<b>7.810.252.210</b>	<b>325.072.673</b>	<b>13.037.740.281</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	1.980.783.210	604.123.520	4.377.122.374	280.536.309	7.242.565.413
Khấu hao trong kỳ	425.514.019	21.575.840	1.112.894.445	432.354	1.560.416.658
T/lý, nhượng bán	-	-	1.306.195.847	-	1.306.195.847
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.406.297.229</b>	<b>625.699.360</b>	<b>4.183.820.972</b>	<b>280.968.663</b>	<b>7.496.786.224</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	2.274.356.988	43.151.680	4.898.369.158	-	7.215.877.826
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.848.842.969</b>	<b>21.575.840</b>	<b>3.626.431.238</b>	<b>44.104.010</b>	<b>5.540.954.057</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 1.248.905.399 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)				
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	7,50%	7,50%	770.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	5,52%	5,52%	6.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	11,39%	11,39%	11.774.300.000	-
<b>Cộng</b>			<b>18.544.300.000</b>	<b>24.544.300.000</b>

(\*) Cổ phiếu của các Công ty trên hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 của các công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 30/06/2017. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng. Công ty cũng không đủ cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

10/10/2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	16.440.529.802	5.479.425.898
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	10.732.740.395	3.549.233.988
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh (chi phí bản quyền sách Tiếng Anh)	1.567.452.289	2.863.297.386
Phải trả cho các đối tượng khác	24.937.440.682	8.997.218.328
<b>Cộng</b>	<b><u>53.678.163.168</u></b>	<b><u>20.889.175.600</u></b>

*Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan*

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.HCM	Công ty đầu tư	16.440.529.802	5.479.425.898
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	2.760.080.000	157.050.000
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà nội	Chung công ty đầu tư	3.849.720.180	1.383.721.448
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	10.732.740.395	3.549.233.988
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	-	201.041.791
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp.HCM	Chung công ty đầu tư	1.379.401.514	-
Công ty CP In Sách giáo khoa Tp.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	44.336.922	-
Công ty CP ĐTXB - Thiết Bị Giáo Dục Việt Nam	Chung công ty đầu tư	1.008.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	180.514.509	-
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	689.549.774	-
<b>Cộng</b>		<b><u>37.084.873.096</u></b>	<b><u>10.770.473.125</u></b>

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	1.618.552.506	672.742.027
Thầy Châu Chí Quang - SGD Trà Vinh	-	191.078.937
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Đồng Nai	5.100.884.803	24.170.473
Đối tượng khác	2.624.625.647	350.555.711
<b>Cộng</b>	<b><u>9.344.062.956</u></b>	<b><u>1.238.547.148</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	24.270.361	1.789.899.757	1.814.170.118	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.532.613.988	7.717.787.109	2.913.455.336	-	7.336.945.761
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.592.381.312	468.195.968	2.565.241.639	504.664.359	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.149.265.661</b>	<b>9.978.882.834</b>	<b>7.295.867.093</b>	<b>504.664.359</b>	<b>7.336.945.761</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.375.518.996	-
Chi phí có tính chất phúc lợi	1.200.000.000	-
Chi phí lãi vay	38.028.067	45.845.128
Hoa hồng sách tham khảo	7.539.563.180	-
Chi phí vận chuyển	1.623.502.757	-
Chi phí thuê văn phòng, tiền điện, nước	778.600.000	-
Chi phí tập huấn sử dụng sách	1.587.513.550	-
Chi phí phải trả khác	4.535.014.262	272.305.376
<b>Cộng</b>	<b>18.677.740.812</b>	<b>318.150.504</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	217.692.219	250.153.759
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	755.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	16.000.000.000
Phải trả khác	1.033.696.988	-
<b>Cộng</b>	<b>1.401.389.207</b>	<b>16.400.908.959</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	46.791.962.760	112.117.862.803	107.501.512.165	51.408.313.398
Ngân hàng HSBC	27.712.128.463	76.130.459.957	66.140.826.637	37.701.761.783
Ngân hàng Viettinbank	9.268.459.265	12.063.801.561	12.706.385.723	8.625.875.103
Ngân hàng Standard Chartered	9.811.375.032	5.080.676.512	9.811.375.032	5.080.676.512
Ngân hàng VCB	-	18.842.924.773	18.842.924.773	-
<b>Cộng</b>	<b>46.791.962.760</b>	<b>112.117.862.803</b>	<b>107.501.512.165</b>	<b>51.408.313.398</b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	100.000.000.000	(71.500.000)	55.039.553.352	1.886.452.483	-
Tăng trong năm	-	-	13.284.737.463	-	42.136.209.647
Giảm trong năm	-	-	-	-	34.452.632.311
Số dư tại 31/12/2016	<u>100.000.000.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>68.324.290.815</u>	<u>1.886.452.483</u>	<u>7.683.577.336</u>
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	(71.500.000)	68.324.290.815	1.886.452.483	7.683.577.336
Tăng trong kỳ	-	-	7.373.764.930	-	27.999.021.229
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.683.577.336
Số dư tại 30/06/2017	<u>100.000.000.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>75.698.055.745</u>	<u>1.886.452.483</u>	<u>27.999.021.229</u>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Các cổ đông	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	56.610.000.000
<b>Cộng</b>	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.683.577.336	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	27.999.021.229	25.600.835.786
Phân phối lợi nhuận	7.683.577.336	-
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	7.683.577.336	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	7.373.764.930	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	309.812.406	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích khen thưởng phúc lợi	-	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>27.999.021.229</b>	<b>25.600.835.786</b>

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết số 475/NQ-SED ngày 20/12/2016 của Hội đồng quản trị và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 218/NQ-SED ngày 26/05/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu sách giáo khoa	4.739.084.196	4.342.541.941
Doanh thu sách bổ trợ	161.386.262.598	177.366.364.938
Doanh thu sách tham khảo	48.817.315.435	40.557.857.878
Doanh thu thiết bị giáo dục	407.652.834	720.801.979
Doanh thu khác (bán giấy)	35.148.378.870	27.801.210.933
Sách VNEN	36.897.115.522	29.188.584.642
<b>Cộng</b>	<b>287.395.809.455</b>	<b>279.977.362.311</b>

**23. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hàng bán bị trả lại	1.192.879.189	1.844.907.280
<b>Cộng</b>	<b>1.192.879.189</b>	<b>1.844.907.280</b>

**24. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa	4.428.417.300	4.285.077.555
Giá vốn sách bổ trợ	111.172.125.829	123.703.631.967
Giá vốn sách tham khảo	27.277.998.899	27.171.029.033
Giá vốn thiết bị giáo dục	301.612.190	592.290.472
Giá vốn sản phẩm khác	35.863.865.188	27.350.201.035
Giá vốn sách VNEN	22.968.192.045	20.598.352.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(377.073.350)	387.153.540
<b>Cộng</b>	<b>201.635.138.101</b>	<b>204.087.736.159</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	916.799.039	586.453.968
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Thu nhập bán cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	-	2.729.036.000
<b>Cộng</b>	<b>1.009.199.039</b>	<b>3.407.889.968</b>

### 26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	1.652.859.084	1.437.222.555
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.184.337.734	3.085.692.795
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(7.568.289.744)
<b>Cộng</b>	<b>3.837.196.818</b>	<b>(3.045.374.394)</b>

### 27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí vận chuyển	2.842.300.918	2.829.017.806
Tiền lương	10.847.756.472	9.640.575.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.067.325	624.149.424
Chi phí hoa hồng	8.017.729.708	7.850.084.355
Chi phí tập huấn	1.866.018.204	3.144.986.278
Các khoản khác	4.934.092.013	3.874.297.628
<b>Cộng</b>	<b>29.084.964.640</b>	<b>27.963.111.158</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương	7.810.257.179	6.981.106.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	983.349.333	935.464.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.783.872.302	4.061.828.864
Các khoản khác	4.635.141.212	7.313.107.958
<b>Cộng</b>	<b>17.212.620.026</b>	<b>19.291.507.708</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu nhập từ hoạt động thanh lý tài sản	397.520.162	-
<b>Cộng</b>	<b>397.520.162</b>	<b>-</b>

**29. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Các khoản bị phạt thuế	122.921.544	-
<b>Cộng</b>	<b>122.921.544</b>	<b>-</b>

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.716.808.338	33.243.364.368
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	967.920.467	(3.201.737.527)
Điều chỉnh tăng	1.060.320.467	1.455.148.678
- Chi phí không hợp lệ	727.388.887	893.627.272
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	210.010.036	140.915.354
- Chi phí phạt thuế	122.921.544	420.606.052
Điều chỉnh giảm	92.400.000	4.656.886.205
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
- Giảm thu nhập do CQ thuế đã tính thuế TNDN năm trước	-	4.564.486.205
Tổng thu nhập chịu thuế	36.684.728.805	30.041.626.841
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.717.787.109</b>	<b>7.642.528.582</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	7.336.945.761	6.008.325.368
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	380.841.348	1.634.203.214

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.999.021.229	25.600.835.786
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.639.872.760)	(3.328.108.652)
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	3.639.872.760	3.328.108.652
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.359.148.469	22.272.727.134
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>2.436</b>	<b>2.227</b>

(\*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thườn Ban điều hành dùng để điều chỉnh khi tính chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích kế hoạch quy định tại Nghị quyết ĐHCĐTN hằng năm.

**32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.856.104.316	81.571.541.283
Chi phí nhân công	87.320.698.290	100.129.738.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.560.416.658	1.559.613.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.917.567.333	7.300.406.990
Chi phí khác bằng tiền	19.452.981.137	22.182.476.219
<b>Cộng</b>	<b>188.107.767.734</b>	<b>212.743.776.483</b>

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**34. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro về vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hơn nữa, các mặt hàng thuộc lĩnh vực giáo dục thường có giá cả ổn định, ít biến động nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>30/06/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	53.678.163.168	-	53.678.163.168
Chi phí phải trả	18.677.740.812	-	18.677.740.812
Vay và nợ thuê tài chính	51.408.313.398	-	51.408.313.398
Phải trả khác	1.183.696.988	-	1.183.696.988
<b>Cộng</b>	<b><u>124.947.914.366</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>124.947.914.366</u></b>
<u>01/01/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	20.889.175.600	-	20.889.175.600
Chi phí phải trả	318.150.504	-	318.150.504
Vay và nợ thuê tài chính	46.791.962.760	-	46.791.962.760
Phải trả khác	16.150.000.000	-	16.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>84.149.288.864</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>84.149.288.864</u></b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>30/06/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.045.518.807	-	45.045.518.807
Đầu tư tài chính	-	18.544.300.000	18.544.300.000
Phải thu khách hàng	102.470.116.094	-	102.470.116.094
Phải thu khác	114.767.123	22.350.318.698	22.465.085.821
<b>Cộng</b>	<b><u>147.630.402.024</u></b>	<b><u>40.894.618.698</u></b>	<b><u>188.525.020.722</u></b>
<u>01/01/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.569.740.585	-	61.569.740.585
Đầu tư tài chính	-	24.544.300.000	24.544.300.000
Phải thu khách hàng	26.615.405.291	-	26.615.405.291
Phải thu khác	152.107.709	22.353.118.698	22.505.226.407
<b>Cộng</b>	<b><u>88.337.253.585</u></b>	<b><u>46.897.418.698</u></b>	<b><u>135.234.672.283</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 35. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

**Các giao dịch trọng yếu**

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	20.510.500	178.100.000
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	3.293.412.686	4.160.754.348
Công ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	8.509.178.047	8.163.909.670
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	10.461.081.931	8.733.403.735
Công ty CP Sách - TB Trường Học Tp. HCM	Cung ứng lịch, STK	28.470.587.850	26.566.012.918
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Cung ứng lịch, STK	10.384.217.970	9.542.897.845
Công ty CP Sách - TB Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	11.621.404.351	10.957.305.216
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	3.559.694.477	3.483.707.850
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	227.053.172	121.464.350
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	21.225.600	-
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà nội	Cung ứng lịch, STK	303.303.000	-
Công Ty Cổ Phần Học liệu	Cung ứng lịch, STK	475.855.470	1.427.019.106
Công ty CP Sách và Thiết Bị GD Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	136.115.355	1.457.187.443
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	535.111.680	1.893.451.949
Công ty CP Sách - Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	3.756.437.895	3.021.730.286
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng lịch, STK	10.680.647.844	12.803.652.062
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chi phí tổ chức bán thảo	-	21.066.431.916
Công ty CP DVXB GD Hà Nội	Mua SGK, STK	608.300.000	3.382.907.376
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua SGK, STK	528.410.268	5.114.588.396
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	7.816.693.181	9.090.056.030
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Mua SGK, STK	5.472.764.853	4.290.945.981
Công ty CP DVXB GD Gia Định	Chi phí tổ chức bán thảo	4.337.468.400	5.235.327.360
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	1.476.000.000	5.884.160.000
Công ty CP ĐT & PTGD Đà Nẵng	Mua sách hỗ trợ, STK	116.431.360	-
Công ty CP ĐT & PTGD Hà Nội	Chi phí tổ chức bán thảo	4.086.301.568	2.259.194.940
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	3.187.035.040	-
Công ty CP Sách và TB Trường Học TP. HCM	Phí xuất bản	25.554.041.712	18.267.572.175
	Mua SGK, STK	10.506.457.971	5.831.910.071
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc</b>			
	Tiền lương của BTGD	1.534.114.000	1.172.392.000
	Tiền thưởng của HĐQT	1.017.777.770	270.000.000
	Tiền thù lao của HĐQT	180.000.000	216.000.000

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu trên báo cáo đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Tổng Giám đốc**



**Lê Huy**

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Kế toán trưởng**

**Lê Phương Mai**

**Người lập**

**Phạm Lan Anh**